

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHONG CÁCH THỂ LOẠI CỦA DU KÍ

SOME ISSUES ON LANGUAGE STYLE OF TRAVEL WRITING

NGUYỄN HỮU LỄ

(NCS; Đại học Khoa học, Đại học Huế)

Abstract: Travel writing is a long-standing literary genre, but it has just been researched in recent times. However, the research on travel writing now has many difficulties because of lacking theoretical genre. Some issues on genre style of travel writing that we are building can be used as a tool to study on the characteristics of this genre.

Key words: style; style of genre; travel writing; travel literature.

1. Giới thiệu

Trong vài thập niên gần đây, do sự tác động của toàn cầu hóa (globalization) và hội nhập quốc tế (international integration) thúc đẩy sự giao lưu văn hóa và phát triển du lịch đã tạo điều kiện cho loại hình văn học du lịch (travel literature) xuất hiện trở lại. Khởi đầu cho việc nghiên cứu du kí (travel writing), thể loại đặc trưng của văn học du lịch, là cuộc *Hội thảo văn học du lịch* do giáo sư Donald Ross chủ trì tại trường đại học Minnesota (Hoa Kỳ) vào ngày 12 tháng 9 năm 1997. Sự ra đời của *Hiệp hội du kí quốc tế* ISTW (International Society for Travel Writing) và những cuộc hội thảo quốc tế về du kí được tổ chức hai năm một lần ở nhiều nơi trên thế giới⁽¹⁾. Du kí không những đã được các nhà nghiên cứu quan tâm mà còn được nhiều nước đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông (USA năm 1995, Hongkong 2005, Taiwan 2009,...). Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, du kí đã được sưu tầm, nghiên cứu nhưng *chưa được chú ý đúng mức* [7;12]. Do chưa có cơ sở lí thuyết về thể loại nên du kí chỉ được nghiên cứu chủ yếu về phương diện “thể tài”, tức là nhấn mạnh ở *phía đề tài, phía nội dung và cảm hứng nghệ thuật nơi người viết, chứ không phải ở phía thể loại* [7;13]. Trước yêu cầu về nghiên cứu du kí hiện nay, chúng tôi đã xây dựng cơ sở lí thuyết về thể loại của du kí trên ba phương diện: thi pháp học, phong cách học và tiếp

nhận văn học. Trong bài viết này, chúng tôi lược thuật một số vấn đề về phong cách thể loại của du kí với mục đích trao đổi học thuật.

2. Một số đặc điểm phong cách thể loại của du kí

2.1. Vấn đề phong cách thể loại du kí

Đã có quá nhiều cách định nghĩa về phong cách cũng như cách tiếp cận văn học về phương diện phong cách được nhiều nhà nghiên cứu liệt kê, so sánh, phân tích. Chung quy lại, vấn đề phong cách được nói đến trong nghiên cứu văn học là phong cách nghệ thuật ở hai đối tượng: tác giả và tác phẩm, mà những người nghiên cứu văn học so sánh xem như là phương pháp luận nghiên cứu những hiện tượng văn học để chỉ ra đặc điểm của từng đối tượng riêng biệt, mang tính cá thể. Không chỉ những đối tượng mang tính cá thể như tác phẩm hay tác giả văn học mà ngay cả thể loại, khi đặt nó trong hệ thống thì thể loại cũng là *hiện tượng siêu cá thể* [1]. Tiếp cận thể loại trên phương diện phong cách học, không những không làm triệt tiêu tính cá thể, cái làm cho người ta lo sợ về tính ràng buộc của thể loại mà trái lại có khả năng phát hiện được phong cách của những thể loại mà người ta đang hoài nghi về nó như du kí.

Du kí khi khởi phát chưa phải thuộc loại hình nghệ thuật. Du kí được sinh ra một cách “tự do”, giống như tính cách của chủ nhân nó, tính cách của con người thích tự do, thích di chuyển đến

những nơi mới lạ và viết về những điều mới lạ một cách tự do. Không ai quy định khuôn mẫu cho cách viết du kí và định danh tác phẩm du kí, cũng như không ai quy định phải bước chân trái hay chân phải khi ra khỏi nhà. Nhưng cũng giống như con đường, do người ta đi nhiều mà tạo ra nó, du kí cũng bắt đầu từ việc ghi chép lại những điều mắt thấy tai nghe, được trau dồi qua thời gian, được ngôn ngữ văn hóa và văn chương gọt giũa lâu ngày mà thành. Tính nghệ thuật và mục đích nghệ thuật chưa đến với du kí trong nhiều trường hợp nhưng nó không phải vượt ra ngoài ràng buộc của ngôn ngữ, vì nó là một dạng văn học, thể tự sự hay thuật chuyện cũng đòi hỏi sự chú ý đến văn phong theo nghĩa rộng nhất của từ này. Điều đáng nói là các nhà "tự sự" này thường không phải là những cây bút chuyên nghiệp [3;124]. Mặc dù du kí không bị ràng buộc bởi kĩ thuật sáng tác (technique of writing) nhưng ở một phương diện nào đó hình thức ngôn ngữ của du kí được quy về một kiểu loại nhất định, có thể hiểu như là phong cách (style) thể loại mà chúng tôi định danh cho nó là *phong cách tự do*, phong cách của cái phi phong cách.

2.2. Đặc điểm ngôn từ của du kí

2.2.1. Tính đặc trưng của ngôn từ du kí

Ngôn từ du kí có thể được so sánh với ngôn từ tiểu thuyết bởi tác giả du kí thường né tránh những lời nói sinh hoạt hàng ngày, không phải xông xáo, vồ vập như tiểu thuyết. Vì thế, trong hệ thống ngôn từ, những tiếng lóng, tiếng thông tục, tiếng lai tạp, bông la ba phèng không thuộc về du kí. Mặt khác, ngôn từ trong du kí là *ngôn ngữ văn hóa ở trạng thái đang hình thành*. Ngôn ngữ cũng là thành tố của văn hóa, và là nơi đánh dấu sự giao thoa các nền văn hóa và văn hóa vùng. Ở châu Âu thế kỉ XVIII, khi ngôn ngữ văn chương đã có sự ảnh hưởng giữa các nền văn học thì nảy sinh hiện tượng pha tạp ngôn ngữ giữa các nền văn hóa với nhau trong nhiều tác phẩm, và cũng là vấn đề của tiểu thuyết mà Bakhtin đã đề cập: *Cái mà châu Âu khám phá ra, cái mà từ đây nó quy định đời sống và tư duy của nó, đó là sự đa dạng của những ngôn ngữ, những nền văn hóa, những thời đại* [4;33]. Chẳng hạn trong du kí Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ cuối thế kỉ XIX nửa đầu thế kỉ XX, với hiện tượng xen lẫn từ Hán Việt, từ tiếng Pháp,

từ địa phương, thậm chí cả từ Việt cổ và mới trong các tác phẩm là sự biểu hiện tính *tự nhiên của ngôn ngữ* khi tham gia làm chất liệu nghệ thuật. Hiện tượng này không chỉ đối với du kí, mà còn cả với những thể loại khác, kể cả tiểu thuyết mà Bakhtin đã coi nó như là *đặc điểm phong cách học thứ nhất của tiểu thuyết gắn với tính đa ngữ tích cực của thế giới mới, văn hóa mới và ý thức sáng tạo văn học mới* [4;33]. Tuy nhiên, tính đa ngữ trong du kí chưa phải là hiện tượng của phong cách học như tiểu thuyết mà là hiện tượng mang tính *dấu ấn thời đại*. Du kí không lật tung các giao thoa, hỗn tạp của các nền văn hóa như tiểu thuyết đã từng làm mà nó soi vào từng đường nét văn hóa theo dấu vết của cái huyền diệu, cái kì bí, cái mang lại ở khoái cảm nhận thức của con người ở trạng thái tò mò và *tự thuật*. Người đọc thời đại sau tìm hiểu những lớp văn hóa và ngôn ngữ này như nó còn nguyên sơ, chưa có bàn tay chạm trổ hay đeo gót của con người và thời đại mới.

2.2.2. Tính xác thực và tính cá thể của ngôn ngữ

Cũng như mọi văn bản nghệ thuật, ngôn từ trong du kí là lớp ngôn từ chung, ẩn nấp dưới hình thức ngôn ngữ mang tính cá nhân như nhật kí, bức thư trên lộ trình, một bài tập bút,... Tuy nhiên, phát ngôn của nhân vật chính trong du kí không bị hòa đồng vào những phát ngôn khác để tạo cho tác giả một chỗ đứng, một nơi ẩn nấp trong hình tượng như ở tiểu thuyết (như kiểu *lời nửa trực tiếp*) mà là những phát ngôn về đối tượng được nói đến được lọc qua tư tưởng. Có những phát ngôn phải tuân thủ theo tính xác thực khi nói về thời gian, địa điểm, địa danh, thắng tích và cả những sự vật biểu thị bởi các đơn vị đo lường vật lí (giống như: đoạn đường bao nhiêu ki-lô-mét, tháp cao bao nhiêu thước?). Dù biểu thị bởi bất cứ hình thức nào, nhưng những phát ngôn này không cho phép tác giả tạo tác những gì gọi là thông tin không có trong thực tế.

Ngôn ngữ trong tác phẩm du kí không mang tính đa thanh nên nó chỉ quy về một số hình thức ngôn ngữ đặc thù. Nếu một người nghệ sĩ sáng tác tiểu thuyết phải đứng trước muôn hình vạn trạng hình thức ngôn ngữ để lựa chọn, thì người viết du kí chỉ có trong tay một số kiểu ngôn ngữ mang tính phổ biến, đó là kiểu ngôn ngữ tự thuật với các

hành động của nó như: mô tả, kể chuyện, thuật chuyện, biểu cảm,... Những biểu trưng của ngôn từ, những xung đột ngôn từ về nghĩa và hình thức diễn ngôn (discourse) như là sự biểu thị cho các thủ pháp trong tiểu thuyết đều bị hạn chế ở du kí. Nếu sử dụng hình thức ngôn ngữ thi ca trong du kí thì hình thức ngôn ngữ đó phải nguyên trạng, dù là một bài thơ, đoạn thơ, hay một vài câu thơ dùng để biểu lộ cảm xúc hoặc trích dẫn cho một ý nghĩ nào đó thì phải giữ nguyên dạng thức ngôn từ và chữ viết của nó. Trong tác phẩm du kí, ở những tác phẩm lớn, các từ chỉ địa danh, từ định danh sự vật, định danh văn hóa, từ xưng hô ngôi thứ nhất xuất hiện với tần suất lớn. Những từ ngữ này xuất hiện trong các dạng cấu trúc của câu tự thuật du kí, đó là sự kết hợp giữa kể chuyện, miêu tả, tường thuật, thuyết minh, có khi đi kèm với một số phương tiện biểu cảm. Nếu như lời của tiểu thuyết là *lời tự phê phán* (theo Bakhtin) lời văn du kí là *lời tự nhận thức*. Lời văn trong du kí mang tính đa chức năng biểu đạt: biểu thị thông tin đối với tác giả (vì lần đầu tiên được nhìn thấy, được chứng kiến), biểu thị tự nhận thức (nói ra để được hiểu biết), biểu thị thái độ (tôn kính hay kính sợ), biểu thị cảm xúc (rung động trước đối tượng), biểu thị mối quan hệ (sự gặp gỡ những con người hoặc các nền văn hóa), biểu thị tính tự trào (thấy mình nhỏ bé trước sự vật hay bị giới hạn ở không gian hiểu biết hẹp), biểu thị tính thuyết phục (muốn mọi người đồng tình với niềm vui, khát vọng hay quan điểm của mình), biểu thị tính thăng hoa (tưởng tượng về các viễn cảnh, huyền thoại),... Tất cả những yếu tố đa biểu thị của ngôn từ này thích hợp để xây dựng nên kiểu hình tượng du kí: *hình tượng nhân vật tự thuật khách quan*.

2.2.3. Kết hợp các chất liệu khác

Đi kèm với ngôn ngữ, nhiều tác phẩm còn kết hợp với các tín hiệu nghệ thuật khác, nhất là hội họa và điện ảnh. Không phải ngôn ngữ du kí không giàu tính tạo hình, nhưng đặc trưng của du kí luôn gắn liền với khoái cảm về ước muốn ghi dấu hiện thực. Kể, tả, tường thuật, tự thuật,... là những hành động ngôn ngữ có vẻ chưa đủ để nhà văn du kí ghi lại hình ảnh cảnh vật hay minh chứng cho tính khách quan của tác phẩm du kí. Chúng ta thường bắt gặp hiện tượng kí họa trong các bài thơ cổ điển Trung Quốc, nhưng những bức

kí họa đó nhằm biểu đạt ý niệm "thi trung hữu họa". Còn một số tác phẩm du kí, người xưa đã họa lại cảnh vật, con người theo lối vẽ truyền thần, như muốn lưu giữ cảnh vật, con người đó trước sự hủy diệt của thời gian. Sau này, khi khoa học kĩ thuật phát triển, đi kèm tác phẩm du kí còn có các tư liệu hình ảnh, video được ghi lại bằng camera. Vì thế, căn văn bản của du kí là văn học ứng dụng cùng với các kiểu sách giới thiệu và hướng dẫn du lịch, phim kí sự. Kịch bản của phim kí sự cũng là dạng đặc biệt của du kí.

2.2.4. Hiệu lực ngôn từ du kí

Bakhtin đã từng khẳng định: *Từ trong bản chất, lời nói mang tính đối thoại* [5;205], và lí thuyết hành vi ngôn ngữ xác định mối quan hệ văn bản với chủ thể, văn bản chỉ là phát ngôn, văn bản tồn tại trong mối liên hệ với các văn bản lịch đại và đồng đại, đồng thời tồn tại ở chức năng hành ngôn của nó. Tự sự học tu từ đã giả thuyết rằng, truyện kể là sự bắt đầu một hành động giao tiếp giữa tác giả và người đọc. Lí thuyết liên văn bản cũng xem tác phẩm, về mặt cấu trúc, là đơn vị của lời nói, đơn vị lớn hơn câu. Barthes cũng đã từng đưa ra ý kiến tương tự: *theo quan điểm cấu trúc, bất cứ văn bản tự sự nào cũng đều được xây dựng theo mô hình của câu mặc dù nó không phải là một tổng của các câu, bất cứ một truyện nào cũng là một câu lớn, và câu kể chính là sự tỉnh lược của một truyện nhỏ* [6;156]. Tu từ học hiện đại hướng về đối tượng là ngôn ngữ và phong cách như là một sự khám phá mục đích thuyết phục độc giả mà những kĩ thuật, cách thức sử dụng ngôn ngữ và tạo dựng văn bản không đơn thuần để tạo nên một chính thể nghệ thuật mà trước hết nó được xem xét như là những lập luận nhằm thuyết phục độc giả [2;58]

Tác phẩm du kí cũng là ngôn bản mà đặc trưng thể loại của nó dù mang tính tự do đến đâu cũng không nằm ngoài các vấn đề của văn bản. Như một đơn vị của lời nói, lực ngôn trung quy định sự tồn tại của văn bản nhờ các hành động ngôn ngữ mà những hành động đó biểu thị đặc trưng thể loại của tác phẩm. Cũng như tiểu thuyết, trong tác phẩm du kí cũng chứa các hành động ngôn ngữ khác nhau như là một sự biểu hiện chức năng ngôn ngữ trong mối quan hệ với các thủ pháp nghệ thuật của tác phẩm. Tuy nhiên, không phải

mọi thể loại gộp chung gọi là *văn tường thuật* đều có các hành động ngôn ngữ như nhau mà mỗi thể loại có những hành động ngôn ngữ vượt trội để tạo ra đặc trưng cho thể loại đó. Hành động ngôn ngữ trong ngôn bản du kí bao gồm: tường thuật, miêu tả, nghị luận, tự cảm – xúc cảm, đối thoại, khảo cứu, tự thuật,... Trong mỗi văn bản, tùy thuộc vào sự thể hiện vai trò và vị thế đối thoại mà chủ thể đưa ra các hành động ngôn ngữ ở những mức độ khác nhau. Nếu thông điệp mà chủ thể muốn đưa ra chỉ ở cấp độ thông tin thì hành động tường thuật và mô tả sẽ quán xuyên toàn bộ tác phẩm du kí. Những tác phẩm du kí có sự trình bày nội dung theo cấu trúc nhật trình: ngày nào ?, đi đến đâu ?, làm gì ?, gặp gỡ những ai ?, quang cảnh ở đó như thế nào ?,... thường nặng về tính thông tin hơn là cảm tác đối tượng. Có những tác phẩm mang thông điệp của tác giả gửi đến người đọc là những vấn đề xã hội, còn chuyến đi chỉ là cái "khung" để tác giả dựng lên bức tranh đó. Thiên du kí *Sang Tây – Mười tháng ở Pháp* (1929) của Phạm Văn Anh đã kết hợp các hành động ngôn ngữ: tường thuật, miêu tả, dựng đối thoại, khảo cứu và cả văn nghị luận. Khung cảnh Paris không hoàn toàn hiện lên với những vẻ đẹp nguy nga tráng lệ mà đằng sau đó là những mặt trái của xã hội với những tình cảnh và tệ nạn được thể hiện trong những lời bình luận, so sánh mang ý nghĩa thức tỉnh hơn là giới thiệu cảnh quan văn hóa mà tác giả chứng kiến. Còn ở *Bài kí phong thổ tỉnh Tuyên Quang* ⁽²⁾ của Nguyễn Văn Bân lại thiên về khảo cứu phong tục. Những bài du kí viết trong các dịp tham quan, du lịch thắng cảnh hay di tích thì yếu tố cảm xúc, tự cảm chi phối các hành động ngôn ngữ khác. Trong những tác phẩm du kí về cuộc hành trình dài ngày, đến những nơi xa xôi thì yếu tố tự thuật về sinh hoạt và ứng phó với sự thay đổi môi trường, hoàn cảnh của chủ thể xuất hiện với tần số cao. Đây là đặc trưng về hành động ngôn ngữ trong du kí để phân biệt với các thể loại khác. Dựng hành động đối thoại trong du kí không phải là đặc trưng của thể loại này mà là của tiểu thuyết; tuy nhiên, đối thoại trong du kí cũng mang đặc trưng riêng, đó là sự thể hiện của các cuộc gặp gỡ giữa nhân vật chính với các nhân vật khác trong chuyến hành trình mang ý nghĩa tiếp xúc văn hóa. Hiệu suất của lực ngôn trung trong văn bản du kí

chính là việc tác giả đã sử dụng hành động ngôn ngữ nào trong hoàn cảnh và mục đích gì để chứng minh rằng đây là phát ngôn của người đang thực hiện chuyến hành trình, du lịch hay khám phá được nói đến trong văn bản.

Nếu như tiểu thuyết là sự biểu thị của các hình thức đối thoại thì ở du kí là độc thoại. Paul Bourget (1852 – 1935) đã từng so sánh truyện ngắn và tiểu thuyết: *truyện ngắn là độc tấu – tiểu thuyết là giao hưởng* [8;132] và cũng có thể so sánh như vậy với du kí: tiểu thuyết là sự phức điệu, đa thanh – du kí là độc tấu, đơn âm. Ở tiểu thuyết, sự *đối thoại* như là một biểu thị của một thế giới sôi động của con người nên sự đa thanh, pha tạp, giễu nhại như là một đặc thù nghệ thuật thì ở du kí nó ở hàng thứ yếu. Trong tác phẩm du kí, ngôn ngữ của nhân vật đảm nhiệm nhiều chức năng và bị chi phối bởi động cơ hùng biện và tái hiện sự thật nên tính "đơn âm" trong du kí là lỗi *phát ngôn thủ lĩnh* (leader speech), lỗi phát ngôn thuyết phục đám đông. Anh ta, biểu thị trong lời nói với uy quyền là người biết được điều người khác chưa biết, và thường giả định là người dẫn đầu của một đoàn thám hiểm hay du lịch nào đó, luôn trung thành với những gì mình chứng kiến, biết đưa ra nhận định trước những tình huống, sự kiện trong chuyến hành trình mà anh ta nói tới. Lời văn du kí đảm bảo tính xác thực và minh bạch bởi lời văn đó minh chứng cho vai trò của tác giả về trách nhiệm của người xác minh đối tượng.

Không nhằm phản bác lại quan điểm cho rằng, vai trò của tác giả trong du kí như là nhân chứng cho các sự kiện diễn ra trong cuộc hành trình mà ở đây chỉ nói về tính uy quyền trong phát ngôn của tác giả trên nhiều phương diện. Nói đến du kí, không nên nghĩ một cách dung tục rằng: tác giả vừa đi vừa viết. Nếu có chuyện "vừa đi vừa viết" đi nữa thì đó là khâu chuẩn bị *không cần thiết* trong sáng tác du kí hoặc tạo ra hình thức *nhật kí* của tác phẩm du kí như *Pháp du hành trình nhật kí* của Phạm Quỳnh. Thông thường, du kí được viết sau khi cuộc hành trình kết thúc, nhưng không phải quá lâu để trở thành hồi kí. Chẳng phải Huyền Trang đã được nhà vua yêu cầu viết lại cuộc hành trình của mình sang Ấn Độ mặc dù lúc khởi hành không mấy được thuận lợi đó sao? Ngôn ngữ trong du kí là ngôn ngữ của *thì quá khứ*

đang tiếp diễn (khác với tiểu thuyết ở *thì hiện tại chưa hoàn thành*) nhưng được biểu thị ở *thì hiện tại đã hoàn thành*. Vì thế, ngôn từ kí ức hay những phát ngôn lấp lửng không được phép xâm lấn vào mảnh đất du kí mà nhường chỗ cho những lời bạch thoại và diễn thuyết. Đó chẳng phải là ngôn từ được biểu thị kiểu phát ngôn thủ lĩnh hay sao? Cái uy quyền của tác giả du kí chính là người phát ngôn thời đại của mình, dẫu có nói về quá khứ, và dùng những phương tiện ngôn ngữ hiện đại nhất ở *thì hiện tại*. Không chỉ những nhà văn du lịch Anh, mà ngay cả những nhà văn, trí thức Việt Nam như Phi-líp-phê Bình, Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh,... có những tác phẩm du kí nhờ có được dịp may có chuyến công du hay đi du hí ở một thắng tích nào đó, thì họ cũng sử dụng ngôn ngữ hiện đại dù nó không chính thống hay chưa định hình, đó là chữ Nôm (ở thế kỉ XVIII) chữ Quốc ngữ (thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX), tức là không lệ thuộc vào yếu tố ngôn ngữ văn chương thời đại. Vì thế, tính không gọt giũa và tính không chuẩn xác của ngôn ngữ có thể là một kiểu đặc trưng ngôn ngữ du kí khi nó mới hình thành. Khi đi đến đỉnh cao, ngôn ngữ trong tác phẩm du kí chịu sự quy chuẩn của ngôn ngữ văn chương.

2.3. Cấu trúc tuyến tính của tác phẩm du kí

Nếu ngôn ngữ trong tiểu thuyết mang tính phi tuyến tính thì ngôn ngữ trong du kí là lối diễn ngôn (discourse) tuyến tính. Ngôn ngữ và hình ảnh trong du kí không xếp lớp mà được đặt vào vị trí của trật tự thời gian và tầm quan sát của chủ thể. Đối tượng thông qua ngôn ngữ như được sắp đặt và được miêu tả theo trình tự trước sau. Như đã nói trên, trong du kí, phát ngôn của chủ thể là phát ngôn của người đang hành trình, dù rằng những vấn đề về cuộc hành trình hôm sau mới được nói đến nhưng trong việc thể hiện bằng ngôn ngữ thì nó vừa như đang xảy ra. Vì thế, tính trật tự theo trục thời gian làm cho ngôn ngữ trong du kí phải tuân thủ phép tắc trật tự của cuộc hành trình cả về thời gian lẫn không gian. Sự không đảo ngược thời gian được xem là kiểu phát ngôn của du kí.

Kết cấu và bố cục của du kí cũng mang tính tuyến tính. Cấu trúc văn bản bản du kí là một kiểu cấu trúc *thời gian – không gian*. Cấu trúc này quy định bố cục của tác phẩm du kí. Bố cục hoàn

chỉnh của tác phẩm du kí có nhiều phần, mỗi phần chứa một hoặc một số nội dung *thời gian* và *không gian* (ngày nào?, nơi nào?). Độ dài ngắn của tác phẩm du kí còn tùy vào số ngày đi và phạm vi địa điểm đến, kể cả độ dài đoạn đường và phương tiện. Có những nơi quá rộng, quá lớn thì đi trong nhiều ngày, nhưng ngược lại, có những ngày đi đến được nhiều nơi. Có những tác phẩm du kí có bố cục gồm nhiều chương, nhiều mục, nhưng cũng có những tác phẩm không chia chương mục. Nội dung mỗi chương hay mỗi mục đều gắn liền với nội dung *không gian* (tức địa danh, địa điểm) và *thời gian* (thời điểm được ghi bởi đơn vị ngày và tháng). Chẳng hạn tác phẩm *Hành trình đến nước Anh năm 1782* của Karl Moritz chỉ hơn một trăm hai mươi trang nhưng có 14 chương, mỗi chương gắn liền với địa danh và thời gian cụ thể⁽³⁾. Nửa đầu của chuyến du hành, ông mô tả thời gian ở London, được nghe bài phát biểu của các chính trị gia nổi tiếng. Sau đó ông đi bộ qua Richmond, Windsor, Oxford và Birmingham đến Peak District, trở về London bằng xe. Vì thế, các chương của tác phẩm được sắp xếp theo trật tự thời gian.

Tác phẩm *Pháp du hành trình nhật kí*⁽⁴⁾ của Phạm Quỳnh khoảng hơn hai trăm trang không chia thành chương, nhưng cách ghi mục theo kiểu nhật trình: có mục ghi cả địa điểm, thời gian, phương tiện, có mục không ghi địa điểm, có mục chỉ ghi thời gian. Như vậy, *thời gian* là cột mốc của cuộc hành trình được ghi lại để đánh dấu theo lộ trình. Tác phẩm *Sang Tây và Mười tháng ở Pháp*⁽⁵⁾ của Phạm Văn Anh, thực chất là một tác phẩm viết về một cuộc hành trình mà tác giả hóa thân thành nhân vật trong vai một cô thiếu nữ đi du lịch sang Pháp để quan sát và ghi chép sự việc. Tác phẩm có hai phần: phần đầu nói về chuyện trên đường, phần sau nói về chuyện ở Pháp. Phần đầu thuật lại hành trình nên chỉ nói đến phương tiện, những nơi đi qua, hoàn cảnh của nhân vật trên lộ trình nên không có chương mục. Khi đến Pháp, qua nhiều nói, chứng kiến nhiều sự việc khác nhau thì mới có tên mục đề theo sự kiện. Những sự kiện xảy ra trên lộ trình trên lộ trình là những cảnh sinh hoạt, hiện tượng xã hội được nhìn với đôi mắt nhà báo. Vì thế, mỗi sự kiện đó được viết theo lối phóng sự nhưng không hoàn

toàn là văn phong báo chí mà lời của nhân chứng (VD: Ngồi lê đôi mách, Đẽ chum vào đất tổ tự-do và cách-mạng, Đại-quan về thành phố Paris, Dự một cuộc mê-tỉnh của học-sanh An-nam, Tình cảnh học-sanh An-nam ta theo con mắt tôi thấy, Hội cự rượu, Hội cự những nhà ở cự tồi-tệ,...). Tính mạch lạc của bố cục và tính lô-gic sự kiện đều bị chi phối bởi thời gian tuyến tính và không gian lộ trình. Vì thế, mở đầu của tác phẩm du kí thường nêu lí do đi, phương tiện và lộ trình dự kiến; kết thúc thường là nói đến sự trở về như thế nào, cảm xúc khi phải xa nơi được đến ra sao. Dù đó là tác phẩm du kí cổ điển hay du kí hiện đại thường có kiểu bố cục *đầu đuôi khép kín của lộ trình*. Vì thế, hiếm thấy tác phẩm du kí nào mà nhân vật không trở về hay lời kết thúc "bỏ ngõ" như lời kết thúc của tiểu thuyết hiện đại.

Tính loại hình đã tạo điều kiện để du kí tồn tại dưới nhiều hình thức văn bản khác nhau. Khi nghiên cứu về du kí Nga thế kỉ XVIII – XIX, Mikhailov đã chia du kí thành hai loại: du kí anh hùng và du kí tự thuật. Du kí anh hùng có nhân vật là người anh hùng kể câu chuyện (hư cấu) về cuộc hành trình oanh liệt của mình. Du kí tự thuật là thuật chuyện du lịch mà tác giả là nhân vật. Cách chia này có thể thực hiện cho một giai đoạn văn học nhất định, còn trong lịch sử phát triển của mình, du kí biến hình thành nhiều kiểu văn bản khác nhau, miễn là không làm mất tính năng *câu chuyện* và sự *lặp lại* kiểu cấu trúc: *thời gian – địa điểm – sự việc* được kết nối sâu chuỗi trong cấu trúc của tác phẩm. *Nguyên tắc tự do* của thể loại du kí [10;279] đã thâm nhập vào các cấp độ khác nhau của tác phẩm làm cho lời kể không bị chi phối bởi bất cứ quy ước nào của thể loại. Ngoài cấu trúc thông thường như đã nói, du kí chấp nhận cho tác giả trang điểm các hình thức của ngôn ngữ như: thơ, lời bài hát, các ghi chú,... và các chất liệu khác như: kí họa, mô hình, sơ đồ, bản đồ, bức họa,... miễn là không thay đổi trật tự của các sự kiện trong tác phẩm.

2.4. Ngôn từ du kí trong sự tương tác thể loại

Mặc dù không được phép "suông sã" như tiểu thuyết nhưng ngôn ngữ trong du kí không bị đóng khung trong một kiểu ngôn ngữ của một thể loại nào mà nó cho phép tiếp nhận mọi phong cách ngôn ngữ của nhiều thể loại. Tuy nhiên, khi nói

đến phong cách văn bản hay phong cách thể loại thì cũng rất khó trong việc xác định những nhân tố đặc trưng của nó. Tính phức hợp trong việc sử dụng ngôn từ của thể loại văn tường thuật, như cách gọi của Barthes chỉ cho các loại truyện kể, đã xóa nhòa ranh giới của các thể loại văn xuôi tự sự. Sự giống nhau và khác biệt ở một số yếu tố ngôn ngữ có ý nghĩa rất lớn trong việc xác định phong cách thể loại, mà *chỉ trên cơ sở lệch và khớp cùng một công cụ miêu tả, thể loại văn tường thuật mới có thể thu tóm một khối lượng lớn toàn thể văn bản này cũng như tính đa dạng về lịch sử, địa lí và văn hóa của chúng* [6;75].

Ngoài những tác phẩm du kí mang đầy đủ cấu trúc của chuyện kể với đầy đủ các yếu tố của cốt truyện du kí, còn có một số tác phẩm mang tính chất giao thoa giữa tùy bút và tản văn. Những bài du kí có nội dung thể hiện cảm hứng về một hoặc một vài địa danh thắng tích mà cuộc hành trình chỉ mang mục đích đơn giản là "chơi", "vãn cảnh", "ghé thăm" thường không có cốt truyện, được thể hiện bởi kiểu văn phong "tùy hứng" của tản văn và tùy bút. Ngôn từ của cảm xúc và sự thăng hoa ngôn ngữ đã làm nên kiểu đặc trưng của tác phẩm du kí ngắn. Những bài viết theo kiểu du kí như thế này thường gặp trong văn học Trung Quốc và một số nước chịu ảnh hưởng của văn học viết bằng chữ Hán như Việt Nam, Nhật Bản⁽⁶⁾. Những kiểu bài như thế, Nam Phong tạp chí không xếp vào mục du kí mà xếp vào mục "Văn uyển" (được hiểu như là các loại văn thơ không nằm trong chuyên mục thể loại, kể cả tạp văn). Đó là những bài như: *Ngày xuân chơi núi* của Đạm Phương⁽⁷⁾, *Kí núi Dục Thúy* của Đạm Trai⁽⁸⁾, *Chơi cảnh Sầm Sơn* của Phạm Vọng Chi⁽⁹⁾,...

Ngôn ngữ trong những tác phẩm du kí gần với tản văn, tùy bút có đặc điểm tổng hợp, với nhiều kiểu loại văn phong các văn bản khác nhau, và có thể có nhiều ngôn ngữ khác nhau bởi tính chất xác thực của tư liệu. Chẳng hạn, khi miêu tả một thắng tích, một di vật cổ nào đó có kí hiệu ngôn ngữ khác thì tác giả ghi chép nguyên văn (như văn bia, câu đối trên cổng đình, cổng chùa,...viết bằng chữ Hán) nên không coi đây là kiểu văn phong du kí mà chỉ là biểu thị cho sự minh họa tính xác thực của đối tượng được miêu tả.

Một đặc điểm khá phổ biến của kiểu văn bản du kí này là yếu tố thơ trong tác phẩm. Chất thơ (poetry) của ngôn ngữ biểu thị tính thẩm mỹ của diễn ngôn (discourse) có tác dụng phối kết hai yếu tố: vẻ đẹp của đối tượng được nói đến và cách tiếp nhận đối tượng của chủ thể. Cần phân biệt chất thơ và lời thơ trong du kí. Chất thơ là phương thức biểu thị toàn bộ nội dung của tác phẩm du kí, còn lời thơ là "sắc tự" của ngôn từ du kí được tác giả vận dụng từ một thể loại khác (thơ). Vì thế, thơ trong tác phẩm du kí, là câu thơ, đoạn thơ thậm chí cả một bài thơ Đường luật nhưng không phải là tác phẩm thơ. Khi nghiên cứu tác phẩm du kí của Matsuo Bashō, những bài thơ xen vào trong tác phẩm, Keene gọi là *thơ du kí* (Poetry travel), tuy nhiên thơ du kí mà Keene nói tới là thơ haiku [9].

2.5. Cách yếu tố chi phối phong cách thể loại của du kí

Phong cách văn bản du kí bị chi phối bởi ba yếu tố cơ bản: **ngôn ngữ thời đại** mà du kí dùng làm chất liệu, **cách đi** của chủ thể và những gì tích lũy được trong chuyến đi để trở thành câu chuyện tường thuật, **cách viết** (lựa chọn lối trần thuật).

Những quy tắc và chuẩn văn hóa của ngôn ngữ luôn quy định phát ngôn của chủ thể trong giao tiếp và hiệu lực phát ngôn. Du kí là một kiểu phát ngôn, khi sử dụng ngôn ngữ thời đại (trong giao tiếp chính thống), tác giả không được phép vượt ra khỏi phạm vi của nó nên trong du kí Việt Nam, yếu tố chất liệu (chữ Hán, chữ Quốc ngữ,...) góp phần tạo nên đặc điểm du kí ở mỗi giai đoạn phát triển.

Cách đi phản ánh bản sắc chủ thể nên không chỉ chi phối đề tài, chủ đề của tác phẩm du kí mà cả hình tượng, kết cấu, văn phong của tác phẩm. Cần phân biệt mục đích đi và cách đi. Mục đích đi không chi phối nhiều đến cách viết của du kí. Chỉ có cách đi, kể cả cách đi tường tượng mới chi phối đến cách viết. Cách đi cũng giống như cách chơi, tức là sự thể hiện phong cách cá nhân bằng cuộc hành trình. Cách viết là sự biểu thị, đồng thời là hệ quả của cách đi.

Tính tự do của cách viết phản ánh sự sáng tạo của chủ thể trong tác phẩm du kí. Khi người ta viết ra điều mình thấy hay một điều mình nghĩ nhưng lại đặt nó trong một thể loại là đã mang tính hư cấu, đầu câu chuyện được viết ra có thật đến 100%

thì bản thân thể loại là một sự điều khiển nhà văn phải hư cấu mới có khả năng đặt nó vào khuôn khổ của thể loại. Mặt khác, thể loại luôn luôn đặt nhà văn vào tình thế phải làm mới nó bằng cách sử dụng ngôn ngữ, các thủ pháp và cấu trúc. Trong mối quan hệ với người đọc, phẩm chất nghệ thuật của tác giả phải được thay đổi trong quá trình sáng tác đảm bảo cho tác giả đứng được trong đội ngũ của người đọc bằng chính khả năng của mình. Vì thế, cách viết du kí là một sáng tạo phi hư cấu (creative nonfiction), nó giống như kiểu tường thuật phi hư cấu (narrative nonfiction) và báo chí văn học (literature journalism) ⁽¹⁰⁾. Xét về mặt cấu trúc hình thức, du kí là một *écriture* (giống như *Ханукаев* của tiếng Nga), mà Đỗ Lai Thúy dịch là *lối viết* khi dịch bài *Nhập môn phân tích cấu trúc truyện kể* của Roland Barthes [6; 134]. Tóm lại, cách viết du kí là "hình thức thứ ba của văn học", cùng với hai hình thức khác là *ngôn ngữ* và *thể loại*. Du kí và những thể thức văn bản của nó đã tạo ra những hiệu ứng đa phong cách cho văn học để đem lại những thay đổi lớn cho nền văn học dân tộc, xét trên nhiều phương diện.

3. Kết luận

Du kí vốn là thể loại của phong cách. Bản thân du kí cũng đòi hỏi chủ thể của nó một phong cách tương ứng và thể hiện phong cách đó trong tác phẩm. Là loại hình văn học của những cuộc hành trình, du kí ghi nhận sự trải nghiệm và thay đổi bản sắc cá nhân của chủ thể sau mỗi cuộc hành trình bằng ngôn ngữ không bị ràng buộc. Vì thể loại của du kí luôn luôn được làm mới nên dù bất cứ hoàn cảnh nào, du kí có thể ngưng nghỉ nhưng không mất đi, không bị thay thế bởi thể loại khác. Nhận thức đúng đắn về du kí, không thể không có ý niệm về phong cách thể loại của nó. Khi những người nghiên cứu văn học so sánh có nhu cầu tìm hiểu khái niệm, xác định đặc trưng thể loại, khám phá ý nghĩa tác phẩm du kí thì những vấn đề về phong cách thể loại của du kí trên đây sẽ là công cụ hữu ích. Trong xu thế nghiên cứu liên ngành hiện nay, vấn đề phong cách thể loại của du kí không chỉ giới hạn trong ngôn ngữ và văn học mà có thể mở rộng sang các lĩnh vực khác như: văn hóa, lịch sử, địa lí, du lịch, nhân chủng học, chính trị học,...

Chú thích

(1) Các cuộc Hội thảo du kí Quốc tế: Minnesota (1997), Pennsylvania (1999), Ohio (2001), Wisconsin (2004), Colorado (2006), Trường Đại học Compuntense, ở thủ đô Madrid của Tây Ban Nha (2007), South Carolina (2010), Đại học Georgetown, Washington DC (2012),...

(2) Nam Phong tạp chí, Số 32, tháng 2 năm 1920.

(3) Karl Philipp Moritz (1782), sinh ta ở nước Phổ. Ông đến thăm nước Anh vào năm 1782. Tác phẩm *Travels in England in 1782* nói về cuộc hành trình của ông được viết như là một loạt các bức thư cho bạn bè, và đã được dịch từ tiếng Đức và đã công bố vào năm 1795. Tác phẩm có 14 chương:

Chương I: Trên sông Thames, ngày 31 tháng 5.

Chương II: London, ngày 02 tháng 6.

Chương III: London, ngày 05 Tháng Sáu.

Chương IV: Các ngày 09 tháng sáu 1782.

Chương V: London, ngày 13 tháng 6.

Chương VI: London, ngày 17 tháng 6 năm 1782.

Chương VII: London, ngày 20 tháng 6 năm 1782.

Chương VIII: Richmond, ngày 21 tháng sáu năm 1782.

Chương IX: Windsor, ngày 23 tháng 6.

Chương X: Oxford, ngày 25 tháng 6.

Chương XI: Castleton, ngày 30 Tháng 6.

Chương XII: Northampton.

Chương XIII: London, ngày 15 tháng 7 năm 1782.

Chương XIV: London, ngày 18 Tháng Bảy.

(4) Tác phẩm được Nxb Hội Nhà văn ấn hành năm 2004. Trong chuyến đi Pháp sáu tháng để dự Hội chợ đầu xảo thuộc địa năm 1922, Phạm Quỳnh vừa viết (từ Pháp), vừa gửi về Việt Nam đăng liên tục 42 kì trên tờ Nam Phong tạp chí.

(5) Tác phẩm này của Đào Trinh Nhất, được tác giả lấy bút danh là Phạm Vân Anh, được đăng nhiều kì (không thường xuyên) trên tạp chí Phụ Nữ Tân Văn từ năm 1929 đến 1930.

(6) Ở Nhật Bản, loại du kí viết theo dạng “cảm xúc hành trình” được gọi là “haibun”, tức là câu văn xuôi mang yếu tố biểu cảm và hàm súc kết hợp với thơ haiku. Người sáng lập ra haibun và cả thơ haiku là Matsuo Bashō (松尾芭蕉), (1644-1694), vị thiền sư, thi sĩ lỗi lạc thời Edo (江戸).

(7) Nam Phong tạp chí (số 21, Tháng 3 – 1919).

(8) Nam Phong tạp chí (số 27, Tháng 9 – 1919)

(9) Nam Phong tạp chí (số 163, Tháng 6 – 1931)

(10) Những từ này được Richard viết trong bài tiểu luận “A Genre or style” - Richard D. Bank (2009), *The Everything guide to writing nonfiction*, Adams Media Corporation.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Văn Bồng (2012), *Thế loại - hình thức - phong cách*,

<http://vienvanhoc.vass.gov.vn/Pages/Default.aspx>

2. Cao Kim Lan (2011), *Tu từ học tiểu thuyết - một phương pháp tiếp cận giàu tiềm năng*, Tạp chí Văn học nước ngoài, số 1&2/2011.

3. Michel Bideaux, “Raconter ses voyages au XVIIIè siècle” “Du hành và văn hành thế kỉ XVIII: khi con người thuật lại những chuyến đi”, TS Lê Đức Quang (dịch), *Tạp chí Nhà văn*, tháng 2 năm 2013, Tr. 124.

4. Bakhtin M.M., (1964), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn, dịch và giới thiệu), Nxb Thông tin và Thể thao, Trường viết Văn Nguyễn Du, H.1991. Tr. 33.

5. M. Bakhtin, *Những vấn đề thi pháp Đóxtôiepxki* (Trần Đình Sử dịch, Lại Nguyên Ân và Vương Trí Nhân giúp dịch chương IV), Nxb Giáo dục, H. 1993.Tr. 205.

6. Roland Barthes, (1970), *Nhập môn phân tích cấu trúc truyện kể*, Đỗ Lai Thúy dịch, Sự đồng hành của phương pháp, Nxb Văn hóa Thông Tin 2004. Tr.156.

7. Nguyễn Hữu Sơn (2005), *Du kí Việt Nam tạp chí Nam Phong 1917-1934*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. Tr.13

8. Barbotte M., (1952) *Les sources d'inspiration de P. Bourget L'Affaire Chambige et Le Disciple*, France réelle, Paul Estèbe, 18 janvier 1952. P.132.

9. Keene, Donald Lawrence (1999), *Travelers of a hundred ages*, New York: Columbia University Press.

10. Sachkova V. A (2008), “ПУТЕШЕСТВИЕ” КАК ЖАНР ХУДОЖЕСТВЕННОЙ ЛИТЕРАТУРЫ: ВОПРОСЫ ТЕОРИИ (Cuộc hành trình như một thể loại tiểu thuyết: lí thuyết), Bản tin Khoa học, Trường Đại học Nizhny Novgorod, (Số 3/2008), C. 279.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-05-2014)